

TUYỂN SINH

Điều 4. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức từ 1 đến 2 lần/năm. Tùy theo nhu cầu và chỉ tiêu tuyển sinh, Học viện tổ chức tuyển nghiên cứu sinh vào tháng 3 và tháng 8 hằng năm.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển (danh mục các ngành phù hợp, chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo và những học phần học bổ sung (theo hình thức chuyên đổi) được Học viện công bố trong Thông báo tuyển sinh hằng năm).

2. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo là Học viện Báo chí và Tuyên truyền; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp, đề xuất người hướng dẫn. Nội dung và hình thức cụ thể của bài luận tham dự xét tuyển do Giám đốc Học viện quy định (Phụ lục I).

3. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng ngành/chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh (trong đó, có ít nhất một nhà khoa học cùng ngành/chuyên ngành dự thi của NCS và có trong danh sách đề xuất người hướng dẫn cho thí sinh sau khi trúng

tuyển). Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn và hướng phát triển của đề tài;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hội thảo, hội nghị hoặc các hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

5. Đối với chuyên ngành cần có yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, Giám đốc Học viện sẽ quy định cụ thể về thời gian làm việc chuyên môn mà thí sinh cần có trước khi dự tuyển và nêu rõ trong thông báo tuyển sinh.

6. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc Trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

7. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

8. Có các văn bản khác theo mục hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh của Học viện trong thông báo tuyển sinh hàng năm.

Điều 6: Yêu cầu về ngoại ngữ của người dự tuyển

Đạt một trong các điều kiện sau về trình độ ngoại ngữ:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành ngoại ngữ;

c) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo châu Âu chung về ngoại ngữ (Phụ lục II), trong thời hạn hai năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trong các cơ sở đào tạo được cấp bằng đại học ngoại ngữ cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 quy định tại Phụ lục IIa, với dạng thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định tại Phụ lục IIb (các cơ sở này do Học viện quy định). Cụ thể gồm:

- Các Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền;
- Các trường đại học ngoại ngữ;
- Các Đại học quốc gia trong nước;
- Các Đại học khu vực trong nước;
- Các cơ sở đào tạo thuộc hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

d) Trong trường hợp chưa đạt một trong các điều kiện trên, thí sinh phải tham dự kỳ thi đánh giá đầu vào môn ngoại ngữ trình độ B1 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền và có kết quả đạt yêu cầu theo quy định của Giám đốc Học viện.

đ) Đối với NCS quốc tế (Lào, Campuchia...), thực hiện chế độ miễn ngoại ngữ theo Thông báo số 3496/BGDĐT-GDDH ngày 18/6/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc miễn điều kiện ngoại ngữ đối với lưu học sinh Lào và Campuchia.

e) Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền sẽ yêu cầu thẩm định lại trình độ ngoại ngữ của các thí sinh không tham dự kì thi đánh giá đầu vào ngoại ngữ của Học viện thông qua một kỳ sát hạch do Học viện tổ chức.

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

1. Trước ba tháng của kì tuyển sinh chính thức hàng năm, Học viện ra thông báo tuyển sinh.

2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Học viện, đăng tải trên website của Học viện, gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan và các phương tiện thông

tin đại chúng khác. Thông báo tuyển sinh gồm các thông tin:

- a) Chỉ tiêu tuyển sinh của từng chuyên ngành;
- b) Kế hoạch tuyển sinh;
- c) Hồ sơ dự tuyển, thời gian nhận và hết hạn nộp hồ sơ;
- d) Danh mục các môn học chuyên đổi;
- đ) Thời gian xét tuyển, thời gian công bố kết quả tuyển chọn và thời gian nhập học;
- e) Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, danh sách các nhà khoa học có đủ các điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Điều 8. Hội đồng tuyển sinh

1. Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên để thực hiện công tác tuyển sinh. Trong đó:

- a) Chủ tịch: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc Học viện ủy quyền;
- b) Ủy viên thường trực: Trưởng Ban Quản lý đào tạo hoặc Phó Trưởng Ban Quản lý đào tạo phụ trách công tác đào tạo sau đại học của Học viện;
- c) Các Ủy viên: Gồm các trưởng khoa hoặc phó trưởng khoa của các ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển, các phòng có liên quan trực tiếp đến công tác tuyển sinh của Học viện.

Những người có người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỉ luật; báo cáo công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy định này.

b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy định này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Học viện trên cơ sở các chuyên ngành được giao.

c) Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh và Tiểu ban chuyên môn. Các Ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 9. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới khoa đào tạo trình độ tiến sĩ;

c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các Tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 10. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, ngành/chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định;

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS có ít nhất 5 người, có trình độ tiến sĩ

trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của đơn vị chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong Khoa thuộc Học viện hoặc ngoài Học viện do Trưởng khoa mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban;

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 11. Quy trình xét tuyển NCS

1. Thành viên Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong 2 thư giới thiệu.

2. Thí sinh trình bày vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: trí tuệ, tính cách, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một NCS. Tiểu ban chuyên môn phải có bản nhận xét, đánh giá thí sinh về các nội dung này (Phụ lục III).

3. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, Tiểu ban chuyên môn dựa vào thang điểm đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh, xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội

đồng tuyển sinh.

4. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào Quy định xét tuyển NCS của Học viện để xác định danh sách thí sinh trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh đã được Giám đốc Học viện quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo. Giám đốc Học viện phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

Điều 12. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Giám đốc Học viện phê duyệt, Ban Quản lý đào tạo gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận NCS, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), ngành/chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của NCS.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 13. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức ngành/chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học,

tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và chuyên đề tổng quan;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do các Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức và yêu cầu quy định tại Điều 14, 15, 16 và 17 của Quy định này. Chương trình đào tạo phải được thông qua Hội đồng khoa học đào tạo ngành/chuyên ngành và Giám đốc Học viện phê duyệt.

Điều 14. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành tương ứng được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng từ 27 đến 36 tín chỉ, chưa kể các môn Triết học và Ngoại ngữ. Danh sách các học phần bổ sung do khoa đào tạo xây dựng và đề xuất cùng với chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành/chuyên ngành đào tạo trong năm học do khoa phụ trách.

2. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở ngành/chuyên ngành gần với ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, căn cứ vào hồ sơ, chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và đề xuất của Khoa đào tạo, Giám đốc Học viện sẽ quyết định NCS học số lượng các học phần bổ sung phù hợp.

Trường hợp NCS có bằng thạc sĩ đúng ngành/chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp, Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề xuất trình Hội đồng Khoa học - Đào tạo sau đại học chuyên ngành số lượng các

học phần cần bổ sung. Hội đồng Khoa học - Đào tạo sau đại học chuyên ngành căn cứ đề xuất của Khoa đào tạo, đối chiếu với chương trình đào tạo (CTĐT) xác định các học phần NCS cần phải học bổ sung để đạt yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu trình Giám đốc quyết định.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của NCS còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề xuất Giám đốc Học viện yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Giám đốc Học viện quyết định các học phần NCS cần học bổ sung; khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại Khoản 2, 3 của Điều này.

Điều 15. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi NCS phải hoàn thành 5 học phần với khối lượng 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài NCS hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học. Các khoa đào tạo trình độ tiến sĩ căn cứ vào Đề án mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để xác định, đề xuất các học phần bắt buộc và học phần lựa chọn. Kết thúc mỗi học phần, hình thức đánh giá bằng bài thi viết hoặc tiểu luận. Các khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề xuất hình thức thi hết môn, Giám đốc Học viện

xem xét, phê duyệt và công bố công khai trong kế hoạch học tập toàn khóa.

3. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi NCS phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ. NCS và người hướng dẫn lựa chọn chuyên đề phù hợp và thiết thực cho việc nghiên cứu đề tài luận án, đăng kí tên đề tài với khoa đào tạo. Hình thức và nội dung triển khai chuyên đề do Học viện quy định (Phụ lục IV).

4. Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại chưa được giới chuyên môn nhận thức hoặc nhận thức chưa đầy đủ, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Hình thức và nội dung của tiểu luận tổng quan thực hiện theo quy định của Giám đốc Học viện (Phụ lục V).

5. Giám đốc Học viện quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: Kế hoạch học tập, danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà NCS cần đạt; cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của NCS. Các nội dung này được công bố công khai trong Kế hoạch học tập và viết luận án toàn khóa học của NCS.

Điều 16. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu mà Học viện có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ, giải pháp quản lý liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học

hoặc thiết kế giải pháp, thực nghiệm để từ đó NCS đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để NCS viết luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Khoa đào tạo NCS và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Khoa đào tạo NCS, người hướng dẫn khoa học và NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án, NCS được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do NCS tự túc hoặc do đơn vị cử đi học hỗ trợ nếu có điều kiện.

4. Căn cứ vào các yêu cầu đào tạo cụ thể của mỗi ngành/chuyên ngành, nguồn kinh phí, Giám đốc Học viện quyết định hình thức nghiên cứu, thực tập khoa học ở trong và ngoài nước.

Điều 17. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế xã hội.

Điều 18. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ

1. Sau khi có quyết định công nhận NCS, căn cứ trình độ của từng NCS, văn bằng NCS đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, người hướng dẫn NCS và Hội đồng Khoa học - Đào tạo sau đại học chuyên ngành đề xuất chương trình đào tạo của NCS, bao gồm các học phần bổ sung ở

trình độ đại học, thạc sĩ, các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ, trình Giám đốc Học viện phê duyệt. NCS làm việc với người hướng dẫn khoa học xây dựng kế hoạch học tập trình Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ, Ban Quản lý đào tạo duyệt và NCS căn cứ vào đó thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Học viện hoặc cơ sở đào tạo khác do Học viện quy định. Các học phần ở trình độ tiến sĩ do Học viện tổ chức thực hiện. Trường hợp khác phải do Giám đốc Học viện quyết định.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ phải tổ chức để NCS hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi sự chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;

b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo (theo kế hoạch học tập toàn khóa).

5. Việc đánh giá các học phần của chương trình đào tạo tiến sĩ được tổ chức theo hình thức thi viết tự luận hoặc tiểu luận, NCS được đánh giá tối đa 2 lần cho một học phần.

6. Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan được tổ chức đánh giá thông qua Hội đồng. Việc đánh giá, chấm điểm các chuyên đề và tiểu luận tổng quan được thực hiện bằng cách nghiên cứu sinh trình bày kết quả nghiên cứu trong mỗi chuyên đề/tiểu luận tổng quan trước tiểu ban chấm chuyên đề. Tiểu ban chấm chuyên đề gồm ba thành viên, là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, phó giáo sư, giáo sư, có hiểu biết sâu sắc về chuyên đề của nghiên cứu sinh. Mỗi chuyên đề hoặc tiểu luận tổng quan được đánh giá tối đa 2 lần. Các thành viên trong tiểu ban chấm chuyên đề/tiểu luận tổng quan nghe, nhận xét, đặt câu hỏi và thống nhất cho

điểm từng chuyên đề và tiểu luận tổng quan.

Quy trình chấm chuyên đề chuyên sâu và tiểu luận tổng quan như sau:

- a) Đại diện Ban Quản lý đào tạo tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;
- b) Đọc Quyết định thành lập Tiểu ban;
- c) Trưởng Tiểu ban công bố số lượng thành viên tiểu ban có mặt và các điều kiện để NCS được tiến hành bảo vệ chuyên đề/tiểu luận tổng quan;
- d) Thư kí Tiểu ban thông báo các điều kiện khác (nếu có);
- đ) NCS trình bày tóm tắt nội dung chuyên đề/tiểu luận tổng quan (10 phút);
- e) Các thành viên trong tiểu ban nhận xét, nêu câu hỏi;
- f) Các đại biểu tham dự nhận xét, đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến;
- g) Nghiên cứu sinh trả lời câu hỏi và các ý kiến trao đổi;
- h) Tiểu ban họp riêng, hoàn thiện biên bản và cho điểm vào phiếu;
- i) Trưởng Tiểu ban công bố kết luận và kết quả làm việc;
- k) Nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến;
- l) Trưởng Tiểu ban tuyên bố kết thúc buổi đánh giá.

Những NCS có kết quả các học phần, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu (ở lần đánh giá thứ hai) theo quy định của Học viện sẽ không được tiếp tục làm NCS. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu được Giám đốc Học viện chấp nhận.

7. Hội đồng Khoa học - Đào tạo sau đại học ngành/chuyên ngành có nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo, định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục, nội dung và số lượng các học phần (cả bắt buộc và lựa chọn), các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và quy định của Học viện, trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

8. Căn cứ đề xuất của khoa đào tạo, Giám đốc Học viện quy định cụ thể việc tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần và điểm học phần. Các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ được áp dụng theo Điều 14, 15 của Quy định này. Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan sẽ được đánh giá thông

qua các tiểu ban.

NCS chỉ được tiếp tục đào tạo khi đã hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trong thời gian 24 tháng đối với NCS có bằng thạc sĩ và 36 tháng đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ. Nếu NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời gian quy định (3 năm đối với NCS đã có bằng thạc sĩ và 4 năm đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ), thì có thể làm đơn xin gia hạn học tập, chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn, thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Hết thời gian gia hạn, nếu NCS vẫn chưa hoàn thành luận án (bảo vệ cấp cơ sở), Học viện sẽ làm quyết định trả NCS về cơ quan cử đi học. Nếu NCS không thực hiện đầy đủ các công việc theo kế hoạch học tập toàn khóa và các quy định khác của Học viện, khoa đào tạo đề xuất cho NCS thôi học và xóa tên khỏi danh sách NCS của Học viện, Giám đốc Học viện sẽ ra quyết định cho NCS thôi học và xóa tên khỏi danh sách NCS.

Trường hợp NCS chưa có bằng thạc sĩ, nhưng đã hoàn thành các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ, học phần ở trình độ tiến sĩ (cả bắt buộc và bổ sung), các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan, NCS có thể viết đơn đề nghị Giám đốc Học viện xem xét cấp bằng thạc sĩ (nếu đã có đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ theo quy định đối với người bảo vệ luận văn thạc sĩ).

Điều 19. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của NCS trước khi bảo vệ luận án

Trước khi bảo vệ luận án, NCS phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành ngoại ngữ;
- c) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo châu Âu chung về ngoại ngữ (Phụ lục II), trong thời hạn hai năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở, do một trong các cơ sở đào tạo được cấp bằng đại học ngoại ngữ cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2 quy định tại Phụ lục IIa, với dạng thức và yêu cầu

đề kiểm tra ngoại ngữ quy định tại Phụ lục IIb (các cơ sở này do Học viện quy định). Cụ thể gồm:

- Các Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền;
- Các trường đại học ngoại ngữ;
- Các Đại học quốc gia trong nước;
- Các Đại học khu vực trong nước;
- Các cơ sở đào tạo trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

d) Trong trường hợp chưa đạt một trong các điều kiện trên, thí sinh phải tham dự kỳ thi đánh giá đầu ra môn ngoại ngữ trình độ B2 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền và có kết quả đạt yêu cầu theo quy định của Giám đốc Học viện.

đ) Đối với NCS quốc tế (Lào, Campuchia...), thực hiện chế độ miễn ngoại ngữ theo Thông báo số 3496/BGDĐT-GDDH ngày 18/6/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc miễn điều kiện ngoại ngữ đối với lưu học sinh Lào và Campuchia.

e) Trong trường hợp cần thiết, trước khi bảo vệ luận án, Giám đốc Học viện sẽ yêu cầu thẩm định lại trình độ ngoại ngữ của các NCS không tham dự kì thi đánh giá đầu ra môn ngoại ngữ trình độ B2 tại Học viện, thông qua một kỳ sát hạch do Học viện tổ chức.

Điều 20. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ được thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo chính thức (18 tháng đối với NCS đã có bằng thạc sĩ và 24 tháng đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ).

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn chỉ được thực hiện chậm nhất một năm trước khi NCS đến hạn bảo vệ luận án trong thời gian làm luận án chính thức.

Các thay đổi ở Khoản 1 và 2 Điều này phải được Hội đồng khoa học đào tạo của Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề xuất, trình Giám đốc Học viện quyết định.

3. Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều

kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm chính thức, được Học viện đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là NCS của cơ sở chuyển đến.

4. Trường hợp NCS vì các lý do khác nhau, không thể tiếp tục theo học trong thời gian học tập chính thức, có thể làm đơn xin thôi học, được khoa đào tạo trình độ tiến sĩ xác nhận, Giám đốc Học viện sẽ quyết định cho NCS thôi học theo quy định.

5. NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định (kể cả bảo vệ trước thời hạn hoặc thời gian gia hạn), luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Nếu NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn NCS phải hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Thời gian gia hạn tối thiểu là 6 tháng và tối đa là 24 tháng, không gia hạn lần thứ 2. Từ thời điểm gia hạn, NCS phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh gồm: kinh phí học tập các học phần, nghiên cứu khoa học, bảo vệ các chuyên đề, bảo vệ luận án các cấp và các khoản kinh phí phát sinh khác theo thông báo của Học viện. Đối với NCS không tập trung, khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại cơ sở đào tạo để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn.

6. Khi NCS hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo và đề tài nghiên cứu thể hiện ở kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc nước ngoài có uy tín, đáp ứng đầy đủ các nội dung tại Khoản 2, Điều 27 của Quy định này thì có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án. Quy trình và thủ tục bảo vệ luận án được quy định tại Điều 28, 29, 30, 31, 32 của Quy định này. Giám đốc Học viện xem xét quyết định việc bảo vệ sớm căn cứ vào kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của NCS, đề nghị của người hướng dẫn, đề nghị của thủ trưởng đơn vị công tác và ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng Khoa học - Đào

tạo chuyên ngành.

7. Khi NCS hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi NCS bảo vệ sớm trước thời hạn), Giám đốc Học viện có văn bản thông báo cho đơn vị cử NCS đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của NCS trong quá trình học tập tại Học viện.

8. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, NCS vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại Học viện trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được người hướng dẫn, khoa đào tạo và Giám đốc Học viện đồng ý. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận NCS của Học viện. Quá thời gian này, NCS không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

Điều 21. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc đang hoạt động trong lĩnh chuyên ngành đào tạo.
3. Có năng lực chuyên môn tốt, có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu, hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
4. Có đầy đủ hồ sơ khoa học, được khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề xuất trong kế hoạch học tập toàn khóa, và được Giám đốc Học viện đồng ý. Trường hợp không có tên trong kế hoạch đào tạo toàn khóa, giảng viên giảng dạy phải được khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề xuất và được Giám đốc Học viện chấp thuận.

Điều 22. Người hướng dẫn NCS

1. Người hướng dẫn NCS phải có các tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 của Quy định này.

2. Người hướng dẫn NCS phải là người có chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với hướng nghiên cứu của NCS, trường hợp khác phải là người có kinh nghiệm thực tiễn cao trong lĩnh vực NCS đang nghiên cứu, có tham gia đào tạo sau đại học và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ đủ 3 năm trở lên;

b) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây phù hợp với hướng nghiên cứu đề tài luận án của NCS;

c) Có tên trong thông báo của Học viện về danh mục các đề tài, hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận NCS vào năm tuyển sinh. Trường hợp khác phải do NCS trực tiếp đề xuất, được khoa đào tạo đồng ý đề xuất lên Giám đốc Học viện;

d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn NCS giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;

đ) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;

e) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn NCS;

f) Không trong thời gian phải tạm dừng nhận NCS mới theo quy định tại Khoản 5 Điều này.

g) Khuyến khích những người đã trực tiếp viết thư giới thiệu NCS khi tham dự kì xét tuyển đầu vào NCS làm hướng dẫn nếu đáp ứng tốt các yêu cầu tại các mục a, b, c, d, đ, e, f nêu trên.

3. Mỗi NCS có không quá hai người cùng hướng dẫn (người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai). Trường hợp có hai người hướng dẫn, người hướng dẫn thứ nhất (là người hướng dẫn chính), chịu trách nhiệm đối với quá

trình hoàn thành khoá học của NCS. Người hướng dẫn thứ hai là người hỗ trợ một số lĩnh vực được sự thống nhất của người hướng dẫn chính. Trong trường hợp NCS có hai người hướng dẫn khoa học, bắt buộc 1 trong 2 người phải cùng ngành/chuyên ngành nghiên cứu của NCS.

Trước thời hạn 1 năm kết thúc khóa học, vì lý do chuyên môn hoặc những lý do khác, nghiên cứu sinh cần bổ sung thêm người hướng dẫn thứ 2 (cho những trường hợp mới có một người hướng dẫn) phải làm đơn đề xuất, được người hướng dẫn thứ nhất đồng ý, gửi đề xuất về khoa đào tạo xin ý kiến rồi chuyển về Ban Quản lý đào tạo xem xét, trình Giám đốc phê duyệt và ra Quyết định.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn NCS có thể độc lập hướng dẫn NCS. Trường hợp còn lại phải có hai người cùng hướng dẫn.

4. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 NCS; phó giáo sư, tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 NCS, tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 NCS ở tất cả các cơ sở đào tạo mà người đó được mời hướng dẫn, kể cả đồng hướng dẫn và kể cả NCS đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại Học viện xin bảo vệ luận án theo quy định tại Điều 19 của Quy định này. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 NCS được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo (kể cả hướng dẫn độc lập hoặc không độc lập).

5. Trong thời hạn 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn NCS, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 NCS không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn thì sẽ không được giao hướng dẫn NCS mới. Khi có đến 3 NCS không hoàn thành luận án mà không có lý do chính đáng, người hướng dẫn này sẽ không được nhận hướng dẫn NCS trong thời gian ít nhất là 2 năm.

6. Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ có thể đề xuất Giám đốc Học viện mời các nhà khoa học có uy tín ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ các tiêu chuẩn quy định tại

Khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn NCS.

Điều 23. Nhiệm vụ của người hướng dẫn NCS

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của NCS.
2. Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ cho NCS và đề xuất với Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ để trình Giám đốc Học viện quyết định.
3. Lên kế hoạch tuần, tháng, quý, năm làm việc với NCS. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc NCS học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp NCS công bố các kết quả nghiên cứu.
4. Giúp NCS chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của đơn vị chuyên môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng; hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.
5. Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của NCS trong các báo cáo định kỳ của NCS gửi đơn vị chuyên môn.
6. Duyệt luận án của NCS, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho NCS bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.
7. Đề xuất với khoa đào tạo trình độ tiến sĩ việc thôi học, dừng học, bảo lưu kết quả học tập, nghiên cứu khoa học, thay đổi đề tài, bổ sung người hướng dẫn của NCS và các nhiệm vụ khác theo quy định của Giám đốc Học viện.
8. Thực hiện các cam kết với Học viện trong Kế hoạch học tập đầu khóa.

Điều 24. Trách nhiệm của NCS

1. Trong quá trình đào tạo, NCS được xem là một thành viên chính thức của Khoa, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch thực hiện chương trình học tập, kết quả nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với Khoa.
2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, NCS phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh

hoạt khoa học của Khoa; viết báo cáo khoa học; viết ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, theo danh mục tạp chí do Học viện quy định; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Học viện; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn, với Khoa và Ban Quản lý Đào tạo theo lịch do Học viện quy định, ít nhất 4 lần một năm.

3. Trong quá trình học tập, NCS phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại Học viện theo sự phân công của Khoa.

4. Vào đầu mỗi năm học, NCS phải nộp cho Khoa và Ban Quản lý Đào tạo báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để Khoa và Ban Quản lý Đào tạo xem xét đánh giá.

5. NCS không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp Học viện trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như: đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

6. Thực hiện đầy đủ cam kết khác với Học viện.

Điều 25. Trách nhiệm của Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo tổ chức Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của thí sinh. Lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển NCS trình Giám đốc Học viện quyết định tuyển chọn.

2. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy mỗi học phần trong chương trình đào tạo; cùng Ban Quản lý đào tạo giúp Ban Giám đốc

phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học có uy tín, có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng ngành/chuyên ngành đào tạo.

3. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo chuyên ngành trước khi trình Giám đốc Học viện quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS đó.

4. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và NCS, ít nhất mỗi tháng một lần, để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công NCS giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

5. Quy định lịch làm việc của NCS với người hướng dẫn; lịch của Khoa nghe NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học (4 lần trong năm vào ngày cuối mỗi quý). Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo tổ chức, xem xét, đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; đánh giá tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; đánh giá khả năng và triển vọng của NCS và đề nghị Giám đốc Học viện quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng NCS.

6. Đề xuất với Giám đốc Học viện danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ NCS gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

7. Đề nghị Giám đốc Học viện quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS.

8. Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo thực hiện quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Quản lý việc đánh giá học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan của NCS. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Giám đốc Học viện về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS; đồng thời thông qua Giám đốc Học viện gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của NCS.

9. Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo tổ chức đánh giá luận án của NCS ở

cấp cơ sở, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Học viện.

10. Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo gửi tóm tắt luận án đến các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu.

11. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện để NCS được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học trong và ngoài nước.

12. Hỗ trợ thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của NCS như đối với cán bộ của Khoa.

Điều 26. Trách nhiệm của Ban Quản lý đào tạo

Giúp Ban Giám đốc Học viện:

1. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm theo từng ngành/chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy đối với các ngành/chuyên ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; cùng các khoa đào tạo trình độ tiến sĩ phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học có uy tín, có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng ngành/chuyên ngành đào tạo.

3. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định.

4. Ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của NCS; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho NCS.

5. Tổ chức cho NCS bảo vệ các chuyên đề, bảo vệ luận án cấp cơ sở, lập hồ sơ đưa luận án đi phản biện độc lập, và bảo vệ luận án cấp Học viện.

6. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của NCS; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho NCS đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định

hiện hành.

7. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên; các hội thảo khoa học quốc tế. Xuất bản thường kỳ tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập của Học viện.

8. Xây dựng trang thông tin điện tử và công bố công khai, cập nhật và duy trì trên trang thông tin điện tử toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách NCS hằng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách NCS đã được cấp bằng tiến sĩ.

9. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ và báo cáo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

10. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện trong đào tạo trình độ tiến sĩ và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tại Học viện.

11. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV

LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 27. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải do NCS thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu tại Điều 16 Quy định này. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng từ 120 đến 150 trang A4 (210mm x 297

mm), không kể phần tài liệu tham khảo và phụ lục, trong đó trên 50% số trang trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng NCS. Cấu trúc luận án bao gồm các phần và chương sau:

a) Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, gồm các mục: Lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, kết cấu của luận án.

b) Tổng quan tình hình nghiên cứu được trình bày thành một phần riêng, không đặt theo cấp độ kết cấu của chương (sau phần Mở đầu và trước Chương 1). Tổng quan tình hình nghiên cứu có nhiệm vụ: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố trong và ngoài nước; chỉ ra những vấn đề mà các công trình trước đó đã nghiên cứu, khảo sát hoặc chưa nghiên cứu, khảo sát hoặc nghiên cứu, khảo sát chưa sâu; chỉ ra những vấn đề tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết.

c) Nội dung, kết quả nghiên cứu: trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và bàn luận. Phần này kết cấu theo các chương, mục, tiết và tiểu tiết (Mẫu 2, Phụ lục VII). Các kết quả nghiên cứu thuộc phần này có thể được triển khai thành nhiều chương, mục, tiết và tiểu tiết.

d) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu, kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo.

đ) Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án;

e) Danh mục tài liệu tham khảo cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

g) Phụ lục (nếu có).

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Học viện các

văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép NCS sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng theo quy định về đánh số và trích nguồn tài liệu theo quy định của Giám đốc Học viện (Phụ lục VI). Nếu bị phát hiện sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ và bị kết luận sao chép các kết quả nghiên cứu của người khác. Trong trường hợp này, tác giả luận án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm theo luật sở hữu trí tuệ và các trách nhiệm khác trước pháp luật.

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế và quy định của Giám đốc Học viện. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án (Phụ lục VI).

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành của ngành khoa học đang nghiên cứu, được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được tính điểm theo quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước. Các tạp chí khoa học trong nước thuộc nhóm các tạp chí chuyên ngành nằm trong danh mục các tạp chí khoa học mà Học viện đã quy định cho mỗi ngành/chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích NCS đăng bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, các tạp chí do Viện Thông tin khoa học quốc tế ISI liệt kê tại địa chỉ <http://scientific.thomson.com/isi> hoặc các kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế do một nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

8. Quy cách trình bày luận án theo hướng dẫn của Học viện (Phụ lục VII).

Điều 28. Đánh giá và bảo vệ luận án

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a) Cấp cơ sở (Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ);

b) Cấp Học viện.

2. Điều kiện để NCS được đề nghị bảo vệ luận án:

a) Đã hoàn thành trong thời gian quy định làm luận án, chương trình học tập dành cho NCS và các yêu cầu quy định tại Điều 14, 15, 16 và 17 của Quy định này;

b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 17 và Điều 27 của Quy định này;

c) Đáp ứng một trong các điểm tại Điều 19 của Quy định này.

d) Tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của NCS và đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án;

đ) NCS hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

e) Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo việc vi phạm bản quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

f) Không nằm trong diện hết hạn bảo vệ luận án tại cơ sở đào tạo theo quy định chung của Quy chế và Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

g) NCS đã hoàn thành các nghĩa vụ khác theo cam kết với Học viện tại Khoản 7 Điều 5 của Quy định này.

h) Hoàn thiện đầy đủ các thủ tục về hồ sơ theo quy định của Học viện.

Điều 29. Đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Quy định này, Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề nghị Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở. Hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm:

a) Đơn xin bảo vệ luận án cấp cơ sở (theo mẫu).

b) Hai bản nhận xét của cán bộ hướng dẫn hoặc tập thể cán bộ hướng dẫn, đồng ý cho NCS bảo vệ luận án ở cấp cơ sở (Phụ lục VIII).

c) Hai bản lí lịch khoa học (theo mẫu), 02 ảnh 4x6 sau ảnh ghi rõ họ tên và

ngày tháng năm sinh.

d) Hai bản sao công chứng: bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ, bằng điểm cao học, bằng điểm bổ sung các học phần ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ (nếu có), bằng điểm các học phần tiến sĩ, bằng điểm chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

e) Đề nghị Hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn gồm 15 người (theo mẫu).

f) Một bản luận án hoàn chỉnh đóng bìa mềm.

g) Hai bản tóm tắt luận án, trong đó một bản viết bằng tiếng Việt, một bản viết bằng tiếng Anh.

h) Một đĩa CD ghi đầy đủ toàn văn luận án, tóm tắt luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, trích yếu những thông tin mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

i) Một bộ sao chụp các công trình đã được công bố gồm: trang bìa, mục lục và toàn bài đăng tải trên các tạp chí thuộc danh mục đã quy định, được sắp xếp theo thời gian.

k) Một bản dự kiến danh sách gửi tóm tắt luận án đến 25 cơ quan khoa học và 40 nhà khoa học có học vị từ tiến sĩ trở lên trong cả nước (theo mẫu).

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu; có ít nhất 2 thành viên trong hội đồng là các nhà khoa học ở ngoài Học viện (trong đó có ít nhất một thành viên là phản biện); có ít nhất 2 thành viên có chức danh phó giáo sư hoặc giáo sư; người hướng dẫn NCS không là thành viên của hội đồng. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 2 phản biện và các ủy viên hội đồng. Mỗi thành viên hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong hội đồng. Khuyến khích các Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ đề xuất với Giám đốc Học viện mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong hội đồng.

3. Luận án, tóm tắt luận án và bản sao chụp các công trình khoa học đã được công bố được gửi đến các thành viên của hội đồng trước thời gian tổ chức họp hội

đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên hội đồng phải đọc luận án, viết nhận xét và gửi lại cho thư ký hội đồng trước khi dự phiên họp của hội đồng đánh giá luận án ít nhất là 2 ngày. Các bản nhận xét của mỗi thành viên trong hội đồng phải nêu rõ những thành công, hạn chế cũng như thiếu sót cần sửa chữa, bổ sung của luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- b) Vắng mặt thư ký hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- đ) NCS thuộc một trong các điểm của Khoản 2, Điều 28 của Quy định này.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và những người quan tâm tham dự. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Học viện, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung cho phù hợp.

Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở hội đồng cấp Học viện khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của hội đồng và được 3/4 số thành viên hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của NCS và trình Giám đốc Học viện quyết định, nơi gửi tóm tắt luận án bao gồm các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Học viện không

quá 1/4 tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

7. Việc đánh giá luận án tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của NCS.

8. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

a) Đại diện Ban Quản lý đào tạo tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện để NCS được tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở và chương trình làm việc;

c) Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học, bảng điểm của NCS và các điều kiện để NCS được bảo vệ luận án cấp cơ sở;

d) NCS trình bày tóm tắt những nội dung chính của luận án (không đọc nguyên văn các bản tóm tắt theo hình thức soạn sẵn từ văn bản giấy hoặc các slides trên máy chiếu), thời gian trình bày tối đa là 30 phút;

đ) Hai phản biện đọc nhận xét, nêu câu hỏi và các nội dung cần trao đổi;

e) Các thành viên còn lại trong Hội đồng nhận xét, nêu câu hỏi và các nội dung cần trao đổi, sửa chữa hoặc bổ sung;

f) Những người tham dự đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến về những kết quả đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa (nếu có);

g) NCS trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi;

h) Người hướng dẫn đọc nhận xét;

i) Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng. Từng thành viên Hội đồng ghi ý kiến vào phiếu đánh giá (theo mẫu của Học viện) và phải ghi rõ tán thành hay chưa tán thành để luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện. Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng;

k) Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng;

l) Nếu luận án đạt yêu cầu thì Hội đồng thông qua danh sách những cơ quan và cá nhân để gửi tóm tắt luận án;

m) Thư kí Hội đồng hoàn thành biên bản và bản kết luận chính thức về những kết quả đạt được, những điểm cần sửa chữa về luận án của buổi họp đánh giá (theo quy định), trình Hội đồng và công bố công khai trước Hội đồng.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Học viện

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ lập hồ sơ gửi Giám đốc Học viện đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Học viện.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Học viện của NCS gồm:

a) Đơn xin bảo vệ luận án cấp Học viện (theo mẫu).

b) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, kết luận chính thức về các điểm cần sửa chữa, bổ sung của luận án có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng;

c) Bản giải trình các điểm đã bổ sung, sửa chữa của NCS sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận đồng ý của hai người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung, sửa chữa, của Chủ tịch Hội đồng và trưởng khoa đào tạo trình độ tiến sĩ;

d) Hai bản nhận xét của 2 người phản biện luận án;

đ) Bản nhận xét của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn;

e) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án;

f) Giới thiệu danh sách thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện (gồm 15 người, theo mẫu);

g) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ;

h) Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của NCS;

i) Bản sao quyết định công nhận NCS và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

k) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS;

l) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);

m) 04 bộ luận án (gồm luận án, tóm tắt luận án, danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài). Trong đó, 01 bản luận án, 2 bản tóm tắt luận án (1 bản bằng tiếng Việt và 1 bản bằng tiếng Anh), một bản Danh mục các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài có đầy đủ các thông tin liên quan; 3 bản luận án, 6 bản tóm tắt luận án (3 bản bằng tiếng Việt và 3 bản bằng tiếng Anh) và 3 bản Danh mục các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài không có thông tin của NCS, người hướng dẫn và cơ sở đào tạo;

n) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên NCS và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; tên Học viện; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; họ tên, chữ kí của người hướng dẫn và NCS;

o) Các phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng cơ sở.

p) Các văn bản liên quan khác theo quy định của Học viện (Phụ lục IX).

Điều 31. Phản biện độc lập

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện, Giám đốc Học viện tổ chức lấy ý kiến của 2 phản biện độc lập về luận án. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của NCS, có kinh nghiệm, phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Không lấy phản biện độc lập là người trong hội đồng chấm luận án cấp cơ sở, chấm các chuyên đề và tiểu luận tổng quan, không lấy phản biện độc lập là người của Học viện.

Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, phải có học vị tiến sĩ (tròn 3 năm trở lên kể từ ngày kí quyết định công nhận), có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học, am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án thông qua các công trình khoa học đã công bố hoặc kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến đề tài.

Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Giám đốc Học viện trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS bảo vệ luận án cấp Học viện.

2. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu tối mật của Học viện. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

3. Khi cả 2 phản biện độc lập tán thành luận án, Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện cho NCS. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Học viện gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Học viện.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả 2 phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau 6 tháng và chậm nhất là 2 năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Quy trình tổ chức lấy ý kiến phản biện độc lập và các văn bản liên quan gửi phản biện độc lập bao gồm:

a) Ban Quản lý đào tạo chuẩn bị 2 bản luận án, 4 bản tóm tắt luận án (2 bản tiếng Việt, 2 bản tiếng Anh), danh mục các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài luận án, giấy mời phản biện độc lập, kinh phí phản biện, giấy biên

nhận luận án không có các thông tin liên quan đến NCS, người hướng dẫn và cơ sở đào tạo;

b) Danh sách các nhà khoa học cùng ngành/chuyên ngành hoặc gần chuyên ngành với đề tài của NCS như quy định tại Khoản 5, Điều này;

c) Giám đốc Học viện quyết định lựa chọn hai phản biện chính thức;

d) Đại diện Ban Quản lý đào tạo chuyển hồ sơ phản biện độc lập (luận án, tóm tắt luận án, danh mục các công trình khoa học, giấy mời phản biện độc lập, kinh phí, giấy biên nhận) đến các phản biện.

đ) Khi có kết quả phản biện (gồm 2 bản, một bản không có thông tin và một bản có đầy đủ thông tin cá nhân của phản biện độc lập), đại diện Ban Quản lý đào tạo trình Giám đốc Học viện kết quả phản biện và thực hiện các bước tiếp theo.

e) Chuyên bản nhận xét không có thông tin cá nhân của phản biện cho NCS.

f) Trên cơ sở nội dung nhận xét của hai phản biện, NCS tiến hành sửa chữa luận án và làm bản giải trình về những điểm đã bổ sung, sửa chữa (hoặc không) theo yêu cầu của phản biện độc lập. Bản giải trình phải chỉ rõ các nội dung đã bổ sung, sửa chữa hoặc biện luận cho những nội dung không bổ sung sửa chữa trong luận án, NCS và người hướng dẫn kí xác nhận vào bản giải trình và nộp cho cơ sở đào tạo.

g) Trường hợp nếu có một ý kiến hoặc cả hai ý kiến của phản biện độc lập không tán thành, các thủ tục sẽ được thực hiện theo Khoản 3, 4 Điều 31 của Quy định này.

h) Các văn bản khác liên quan đến quá trình phản biện sẽ do Giám đốc Học viện quy định.

Điều 32. Đánh giá luận án cấp Học viện

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện gồm 7 thành viên, trong đó số thành viên thuộc cơ sở đào tạo không quá 3 người. Thành viên Hội đồng là những nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu

của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người; thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng tròn 3 năm trở lên.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 3 phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng ngành/chuyên ngành với luận án của NCS. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc đề tài nghiên cứu của luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của NCS, không là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với NCS. Các thành viên Hội đồng phải đọc và có bản nhận xét về luận án của NCS và gửi về Học viện trước ngày bảo vệ luận án 15 ngày.

3. Người hướng dẫn NCS; người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

4. Yêu cầu, điều kiện của từng chức danh trong Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện:

a) Chủ tịch Hội đồng phải là người có cùng ngành/chuyên ngành với đề tài luận án (nếu trường hợp gần ngành/chuyên ngành với luận án thì phải là người có kinh nghiệm công tác, nghiên cứu thực tiễn sâu sắc), có am hiểu sâu sắc về ngành/chuyên ngành mà luận án nghiên cứu; có kinh nghiệm trong đào tạo và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi bảo vệ luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan đến việc bảo vệ;

b) Thư ký hội đồng là người có cùng ngành/chuyên ngành với đề tài luận án và hiểu biết các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của NCS;

c) Các phản biện là những người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên

môn cao trong lĩnh vực đề tài của NCS, có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án, không là đồng tác giả trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án. Trong 3 người phản biện, phải có ít nhất 1 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học; có tối thiểu 2 phản biện ở ngoài Học viện.

d) Ủy viên Hội đồng là người có cùng chuyên ngành với đề tài luận án và am hiểu lĩnh vực đề tài luận án.

Điều 33. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Học viện

1. Giám đốc Học viện bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cho NCS.

2. Sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, Giám đốc Học viện cho phép NCS bảo vệ luận án cấp Học viện khi đảm bảo đủ các điều kiện tại Điều 19, 31, 32 của Quy định này và các điều kiện sau:

a) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của Học viện và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ email duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;

b) Luận án, tóm tắt luận án đã được trưng bày ở phòng đọc của Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Thư viện Học viện trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;

c) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng. Có ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của các nhà khoa học trong và ngoài Học viện, 3 bản nhận xét của các cơ quan, tổ chức khoa học ở ngoài Học viện theo danh sách đã được Giám đốc Học viện phê duyệt khi gửi tóm tắt luận án;

d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Học viện 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của NCS;

đ) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý

nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án;

e) Ngày bảo vệ, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của NCS đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Học viện, trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bảng tin của Học viện và của Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ, trên báo Trung ương hoặc địa phương, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ luận án (trừ các luận án được bảo vệ theo chế độ mật).

g) Hội đồng đánh giá luận án cấp học viện chỉ họp chính thức sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của các nhà khoa học trong và ngoài Học viện, 3 bản nhận xét của các cơ quan, tổ chức khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án và nhận xét của 7 thành viên trong Hội đồng theo Quyết định của Giám đốc Học viện.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này.

g) Có 2 nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

4. Giám đốc Học viện quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các yêu cầu, điều kiện tại các Khoản 1, 2, 4 Điều 32 của Quy định này). Thời hạn quy định, liên quan đến

hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

5. Trong thời hạn tối đa là 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho NCS. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, NCS có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 8 Điều 20 và Khoản 2 Điều 28 của Quy định này. Giám đốc Học viện quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với NCS bảo vệ luận án lần đầu về luận án tiến sĩ. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của NCS.

Điều 34. Tổ chức bảo vệ luận án

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Việc bảo vệ luận án mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

Người hướng dẫn khoa học không là thành viên Hội đồng, nhưng được mời tham dự buổi bảo vệ và đọc nhận xét quá trình làm việc của NCS.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt là phần hỏi và phần trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản và Quyết nghị được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

3. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp Học viện:

a) Đại diện Học viện tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;

b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, vắng mặt, các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án cấp Học viện quy định tại Điều 33 và công bố chương trình làm việc;

c) Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học, bảng điểm của NCS và các điều kiện để NCS được bảo vệ luận án;

d) Các thành viên hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS;

đ) NCS trình bày nội dung luận án, thời gian không quá 30 phút; không đọc bản tóm tắt luận án hoặc văn bản chuẩn bị trước (bản giấy hoặc slides);

e) Các phản biện đọc nhận xét;

g) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự đóng góp ý kiến và nêu câu hỏi với NCS;

h) Thư ký Hội đồng đọc bản tổng hợp các nhận xét của các cơ quan, tổ chức, các nhà khoa học khác (nhận xét qua bản tóm tắt);

i) NCS trả lời các câu hỏi;

k) Người hướng dẫn đọc nhận xét;

l) Hội đồng họp riêng, bầu ban kiểm phiếu gồm 3 người (1 trưởng ban và 2 ủy viên, trưởng ban không là Chủ tịch Hội đồng), bỏ phiếu kín và thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng;

m) Trưởng ban kiểm phiếu công bố biên bản kiểm phiếu;

n) Chủ tịch Hội đồng công bố kết quả đánh giá luận án và đọc quyết nghị của Hội đồng quy định tại Khoản 4 Điều này;

o) NCS phát biểu ý kiến;

p) Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

4. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;

b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án.

c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;

d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;

đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;

e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;

g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

5. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

6. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu tại Học viện và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 35. Bảo vệ lại luận án

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện thông qua thì NCS được phép sửa chữa luận án và viết bản tường trình gửi Học viện đề nghị bảo vệ lần thứ hai, thời gian muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Giám đốc Học viện bổ sung thành viên khác thay thế.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ, các kết quả nghiên cứu của NCS không được công nhận. Trường hợp NCS chưa có bằng thạc sĩ, Giám đốc Học viện có thể xem xét kết quả học tập ở các học phần bổ sung để cấp bằng thạc sĩ như quy định tại Khoản 8, Điều 18 của

Quy định này.

5. Các quy định và thủ tục bảo vệ lại luận án (lần thứ 2) theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, Điều 34 của Quy định này.

Chương V

THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 36. Thẩm định luận án

1. Cuối các tháng chẵn trong năm, Học viện gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bảo vệ luận án của NCS trong hai tháng trước đó tại Học viện.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xác định các luận án cần thẩm định theo cách lựa chọn ngẫu nhiên hoặc khi luận án bị khiếu nại, tố cáo hoặc khi có nghi vấn trong quá trình đào tạo, quá trình hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án.

3. Sau ngày bảo vệ ít nhất là 3 tháng, nếu NCS không bị khiếu nại tố cáo, không có tên trong danh sách cần thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện sẽ thông báo cho NCS hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ theo Điều 38 của Quy định này.

4. Những luận án cần thẩm định, Học viện sẽ thông báo cụ thể cho NCS khi có phản hồi từ Hội đồng thẩm định luận án của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ thẩm định thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 37. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định và không có yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa của Hội đồng thẩm định, Giám đốc Học viện thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Quy định này.

2. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng có ý kiến yêu cầu phải sửa chữa của Hội đồng thẩm định, Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện cùng với người hướng dẫn và NCS xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung, chỉnh sửa.

Sau khi NCS hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án

cấp Học viện kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa, báo cáo Giám đốc Học viện cấp bằng tiến sĩ cho NCS theo các yêu cầu quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Quy định này.

3. Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Giám đốc Học viện tổ chức họp lại Hội đồng đánh giá luận án để xem xét. Tùy theo mức độ đánh giá của Hội đồng, Giám đốc Học viện sẽ ra quyết định xử lý đối với luận án của NCS theo một trong các hình thức: yêu cầu NCS sửa chữa luận án mà không cần bảo vệ lại; yêu cầu NCS sửa chữa và bảo vệ lại; yêu cầu NCS tiến hành nghiên cứu bổ sung, sửa chữa và bảo vệ lại.

4. Thời gian cho phép NCS hoàn thành việc bổ sung, chỉnh lý luận án nhiều nhất là 12 tháng kể từ ngày Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện họp và quyết định. Việc tổ chức cho NCS bảo vệ lại luận án thực hiện theo Điều 32 của Quy định này. Sau khi NCS hoàn thành yêu cầu theo quyết định xử lý, Giám đốc Học viện có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện của NCS. Những NCS phải bảo vệ lại, quy trình tiếp theo thực hiện như NCS bảo vệ lần đầu.

5. Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong 1 năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong 2 năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án ít nhất trong 1 năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án, Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các giải pháp khắc phục, báo cáo kết quả với Học viện và Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án.

Điều 38. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ

1. Học viện sẽ lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện;

b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Học viện, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả quy định tại Khoản 1, Điều 37 của Quy định này (nếu có).

c) NCS không thuộc diện phải thẩm định lại luận án của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian này. Nếu trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu tại Điều 36 của Quy định này.

d) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (kể cả trang bìa).

2. Khi nhận được thông báo hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ (quy định tại Khoản 3, Điều 38 của Quy định này), NCS nộp cho Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ, Ban Quản lý đào tạo, Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Thư viện của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Thư viện Quốc gia Việt Nam mỗi nơi một bản luận án đóng bìa cứng, mạ chữ nhũ vàng; hai bản tóm tắt luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh; một đĩa CD ghi nội dung toàn văn luận án (trang bìa, trang lót, toàn văn luận án, danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài, tài liệu tham khảo, phụ lục nếu có), tóm tắt luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Bản luận án nộp về các địa chỉ trên gồm hai phần:

a) Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện, Hội đồng thẩm định (nếu có);

b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp Học viện, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện;

- Danh sách thành viên Hội đồng (có đủ chữ kí của các thành viên có mặt), và xác nhận của Giám đốc Học viện;

- Nhận xét của 7 thành viên Hội đồng sắp xếp theo thứ tự trong Quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án cấp Học viện;

- Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện;
- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng cấp Học viện, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

4. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS bao gồm:

a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của NCS cho từng câu hỏi;

b) Nghị quyết của Hội đồng;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn NCS;

e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;

g) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Thư viện của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Thư viện Quốc gia Việt Nam;

h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ;

i) Bản in trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án trên trang thông tin điện tử của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 39. Cấp bằng tiến sĩ

Hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định theo quy định theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền sẽ tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án trước khi tổ chức cuộc họp thường kì Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học

viện đề thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VI

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 40. Khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian hai tháng kể từ ngày bảo vệ luận án.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ, luận án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo thì hồ sơ thẩm định, trình tự thẩm định theo hiện theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 41. Thanh tra, kiểm tra

Hằng năm, Giám đốc Học viện thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện theo các quy định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; việc cấp bằng tiến sĩ; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Học viện. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Giám đốc Học viện hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản.

Điều 42. Xử lý vi phạm

1. NCS bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình học tập, thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. NCS vi phạm các quy định tại khoản 5 Điều 24 của Quy định này sẽ bị xử lý từ cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án.

Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản đề nghị Học viện xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền. Nếu Học viện phát hiện sai phạm thì sẽ xử lý theo thẩm quyền của Học viện.

4. Người hướng dẫn NCS vi phạm các quy định tại Điều 22, 23 của Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm NCS mới, không được tiếp tục hướng dẫn NCS hiện tại, không được nhận NCS mới trong 3 năm tiếp theo và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 43. Tổ chức thực hiện

Quy định này áp dụng đối với NCS xét tuyển từ năm 2014; những NCS đã tuyển trước 2014 nhưng chưa bảo vệ luận án cấp cơ sở thì thời gian thực hiện và trình luận án được áp dụng tại khoản 7 Điều 20 Quy định này; những trường hợp bảo vệ luận án cấp cơ sở từ 01/01/2014 sẽ áp dụng điều kiện về ngoại ngữ và chương trình đào tạo quy định tại Điều 13, 14, 15 và 19 của Quy định này./.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

PGS, TS. Trương Ngọc Nam